

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày: 01-8-2022.  
V/v: “Kiện yêu cầu không  
công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO.**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Vũ.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1, Ông Lương Tú Huân.

2, Ông Trần Tiến Dũng.

***-Thư ký phiên Tòa:*** Ông Phan Việt Tiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 01/8/2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 263/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc “*Kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

*Bị đơn:* Anh Y H Ksor, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị N và anh Y H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Y H tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1995, không đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng nhiều quan điểm, gây gổ, chửi bới, đánh đập. Hiện cuộc sống không có hạnh phúc, không thể kéo dài được nữa. Nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng đối với anh Y H.

Theo anh Y H, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2021, nguyên nhân liên quan đến kinh tế gia đình, nên nhiều lần cãi nhau. Nay chị N có nguyện vọng yêu cầu không công nhận vợ chồng, anh Y H cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình sống chung chị N và anh Y H có 02 con chung là Y C Ksor, sinh ngày 15/10/1997 và Ksor Trần H Th, sinh ngày 03/6/2011.

Hiện con chung Y C đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi, nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Còn lại cháu H Th, anh Y H có nguyện vọng nuôi, chị N đồng ý để anh Y H nuôi cháu H Th.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Y H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: chị N và anh Y H không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng trình tự theo quy định của pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ vụ án do chủ tọa phiên tòa đã công bố tại phiên tòa thể hiện việc chị N khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh Y H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Không công nhận chị N và anh Y H là vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1]. Pháp luật về tố tụng: Việc chị N khởi kiện yêu cầu không công nhận chị N và anh Y H là vợ chồng, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Pháp luật về nội dung:

2.1, Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Y H Ksor tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND nơi cư trú theo quy định tại Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình thì không có giá trị pháp lý, nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung chị N và anh Y H phát sinh nhiều mâu thuẫn và kéo dài ngày càng gay gắt. Hiện tại hai người đã sống ly thân và giữa hai người không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại. Vì vậy, việc chị N yêu cầu không công nhận chị N và anh Y H là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

2.2, Về con chung: Chị N và anh Y H có 02 người con chung là Y C Ksor, sinh ngày 15/10/1997 hiện đã trưởng thành, đủ trên 18 tuổi và Ksor Trần H Th, sinh ngày 03/6/2011. Chị N và anh Y H thỏa thuận để anh Y H nuôi cháu H Th.

2.3, Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện anh Y H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

2.4, Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Y H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị N và anh Y H Ksor.

2. Về nuôi con chung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình;

2.1. Giao con chung Ksor Trần H Th, sinh ngày 03/6/2011 cho anh Y H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện anh Y H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra để giải quyết.

Chị N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Y H không ai yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ chung, nên không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 19; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí tòa án;

Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2021/0010524 ngày 04/7/2022.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện Ea H'Leo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

**Nguyễn Huy Vũ**